TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/KDTM-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

2/ Ông Phạm Bá Chương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 527/2024/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1266/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên C

Địa chỉ: Tầng A, tầng B Tòa nhà S đường N, phường X (trước đây là Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

Có người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K

Địa chỉ: Tầng A, tầng B Tòa nhà S đường N, phường X (trước đây là Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

(có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2025 của Công ty TNHH một thành viêC cho thuê tài chính Ngân hàng C)

2/ Bị đơn: Công ty TNHH M

Địa chỉ: Số B Đường số A, Khu phố B, phường H (trước đây là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Có người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Thanh H - sinh năm 1972

Địa chỉ: xã T (trước đây là Thôn G, xã D, huyện T), tỉnh Thanh Hóa

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 14/01/2025 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Công ty TNHH một thành viên C (sau đây viết tắt là Công ty C) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH M (sau đây viết tắt là Công ty M) là khách hàng thuê tài chính của Công ty C.

Do Công ty M có nhu cầu sử dụng xe ô tô tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết hợp đồng cho thuê tài chính như sau:

- Hợp đồng số SBL010202311032 ngày 23/11/2023 để thuê 06 xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, mang các biển kiểm soát AC, AD, AE, AH, AJ, AS, giá trị tài sản thuê là 2.808.000.000 đồng (đã trừ tiền đặt cọc 702.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, thỏa thuận lãi suất thuê là 9%/năm áp dụng từ ngày nhận nợ đến hết ngày 30/4/2024, từ ngày 01/5/2024 điều chỉnh lãi suất cơ sở VND kỳ hạn trung dài hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần C công bố + biên độ 2,3%/năm. Hằng tháng, Công ty M có trách nhiệm thanh toán tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty M có ký cược số tiền là 175.500.000 đồng. Ngày 23/11/2023, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán 202311032/HĐMB để mua tài sản thuê từ Công ty cổ phần T và cho Công ty M thuê lại chính các tài sản này. Ngày 27/11/2023 Công ty M đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Từ kỳ thanh toán tháng 11/2023 đến kỳ thanh toán tháng 8/2024 Công ty M chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 526.500.000 đồng và tiền lãi là 176.834.600 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê vào ngày 10/9/2024, Công ty M ngưng không thanh toán cho đến nay. Ngày 17/10/2024, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng và thu hồi tài sản, yêu cầu Công ty M giao trả tài sản thuê.

Trong quá trình làm việc giữa 02 bên, ngày 15/01/2025 Công ty M đã bàn giao xe ô tô tải biển kiểm soát AD để Công ty C thu hồi một phần dư nợ. Số tiền

bán tài sản được 388.000.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT, giá bán chưa tính thuế VAT là 352.727.273 đồng). Số tiền khấu trừ VAT còn lại đối với tài sản này là 28.166.667 đồng nên ngày 16/01/2025 Công ty C đã trừ các khoản tiền này vào dư nợ gốc còn lại của tài sản này là 380.250.000 đồng và một phần tiền lãi là 643.940 đồng.

Tổng cộng trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã thanh toán số tiền gốc vay là 906.752.000 đồng và tiền lãi là 177.478.540 đồng.

Đối với số tiền ký cược 175.500.000 đồng Công ty M đã nộp, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 của hợp đồng số SBL010202311032 ngày 23/11/2023 nên Công ty C đã trích thanh toán nợ của kỳ thanh toán tháng 6/2024 là 80.914.200 đồng và kỳ thanh toán tháng 8/2024 là 81.419.400 đồng. Số tiền ký cược còn lại 13.166.400 đồng, hiện nay Công ty C đang quản lý. Sau khi Công ty M thanh toán hết số tiền còn nợ thì Công ty C sẽ trả lại số tiền này cho Công ty M.

Tính đến hết ngày 29/8/2025, Công ty M còn nợ tổng số tiền chưa thanh toán là 2.164.759.396 đồng, trong đó nợ gốc là 1.901.250.000 đồng, tiền lãi là 183.799.049 đồng, lãi quá hạn là 79.710.347 đồng.

Để bảo đảm quyền lợi nên nay Công ty C khởi kiện yêu cầu:

1/ Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032 ký ngày 23/11/2023 giữa Công ty TNHH một thành viên C và Công ty TNHH M.

2/ Buộc Công ty TNHH M có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền cho thuê tài chính còn nợ tính đến ngày 29/8/2025 là 2.164.759.396 đồng, trong đó nợ gốc là 1.901.250.000 đồng, tiền lãi là 183.799.049 đồng, lãi quá hạn là 79.710.347 đồng.

3/ Trong trường hợp Công ty TNHH M không thanh toán các khoản nợ nêu trên, yêu cầu Công ty TNHH M dừng ngay việc sử dụng và giao trả cho Công ty TNHH một thành viên C các tài sản thuê là 05 xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU mang các biển kiểm soát AC, AE, AH, AJ, AS để tiến hành thủ tục bán thanh lý xử lý nợ.

4/ Kể từ ngày 30/8/2025, Công ty TNHH M vẫn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032.

Tại đơn khởi kiện, Công ty C còn yêu cầu Công ty M thanh toán giá trị mua lại 17.550.000 đồng, phí thanh lý trước hạn 159.705.000 đồng, giao trả xe ô tô tải biển kiểm soát AD và trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán nợ tiền thuê tài chính theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính viện dẫn trên và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thì Công ty TNHH M có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn nợ cho Công ty

TNHH một thành viêC cho thuê tài chính Ngân hàng C. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty C rút lại các yêu cầu khởi kiện này.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải chịu và hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp.

Công ty M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút, phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng cho thuê tài chính trong hoạt động kinh doanh giữa một bên là tổ chức có chức năng cho thuê tài chính và một bên là tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty M xác định địa chỉ công ty tại số B Đường số A, Khu phố B, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào kết quả xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H thì Công ty M có địa chỉ tại số B Đường số A, Khu phố B, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Và theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T thì Công ty M không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân

dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn Công ty M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty M thanh toán giá trị mua lại 17.550.000 đồng, phí thanh lý trước hạn 159.705.000 đồng, giao trả xe ô tô tải biển kiểm soát AD và trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán nợ tiền thuê tài chính theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính viện dẫn trên và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thì Công ty TNHH M có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn nợ cho Công ty TNHH một thành viêC cho thuê tài chính Ngân hàng C. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính và trả số tiền thuê:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 23/11/2023 Công ty C và Công ty M đã ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032 để thuê 06 xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, mang các biển kiểm soát AC, AD, AE, AH, AJ, AS, giá trị tài sản thuê là 2.808.000.000 đồng, (đã trừ tiền đặt cọc 702.000.000 đồng). Thời hạn thuê 48 tháng, mức lãi suất tại thời điểm thuê là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 27/11/2023 Công ty M đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản. Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán Công ty M có ký cược số tiền là 175.500.000 đồng.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng với khoản 41 Điều 4; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 120 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024); Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số

39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty C thuê tài chính; khoản 18, khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi nhận các tài sản thuê, Công ty M thanh toán tiền thuê không đúng hạn theo thỏa thuận. Từ kỳ thanh toán tháng 11/2023 đến kỳ thanh toán tháng 8/2024 Công ty M chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc là 526.500.000 đồng và tiền lãi là 176.834.600 đồng. Đến kỳ thanh toán tiền thuê vào ngày 10/9/2024, Công ty M ngưng không thanh toán cho đến nay. Ngày 17/10/2024, Công ty C đã thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê.

Trong quá trình làm việc giữa 02 bên, ngày 15/01/2025 Công ty M đã bàn giao xe ô tô tải biển kiểm soát AD để Công ty C thu hồi một phần dư nợ. Số tiền bán tài sản được 388.000.000 đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT, giá bán chưa tính thuế VAT là 352.727.273 đồng). Số tiền khấu trừ VAT còn lại đối với tài sản này là 28.166.667 đồng nên ngày 16/01/2025 Công ty C đã trừ các khoản tiền này vào dư nợ gốc còn lại của tài sản này là 380.250.000 đồng và một phần tiền lãi là 643.940 đồng.

Tổng cộng trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã thanh toán số tiền gốc vay là 906.752.000 đồng và tiền lãi là 177.478.540 đồng.

Số tiền Công ty M còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 là 2.164.759.396 đồng, trong đó nợ gốc là 1.901.250.000 đồng, tiền lãi là 183.799.049 đồng, lãi quá hạn là 79.710.347 đồng. Do Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại điều 15, điều 17 của hợp đồng cho thuê tài chính, không thanh toán tiền thuê đúng hạn nên nay Công ty C yêu cầu chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính và Công ty M thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, Công ty M còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính đã ký.

Sau khi Công ty M thanh toán đầy đủ số tiền thuê thì Công ty C có trách nhiệm hoàn trả số tiền ký cược còn lại là 13.166.400 đồng cho Công ty M.

[4.2] Xét yêu cầu giao trả tài sản thuê:

Ngày 25/11/2023 Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H đã cấp các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô sau cho Công ty C:

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 022626, biển số AC đối với ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01385, số máy 228M81.

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 022623, biển số AE đối với ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01387, số máy 228M89.

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 022621, biển số AH đối với ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01388, số máy 228M99.

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 022622, biển số AJ đối với ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01389, số máy 228M94.

Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 022625, biển số AS đối với ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA04325, số máy 208G36.

Như vậy, Công ty C là chủ sở hữu của các tài sản này. Theo hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032 ngày 23/11/2023 thì các tài sản này Công ty C cho Công ty M thuê. Do Công ty M đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 17 của hợp đồng cho thuê tài chính nên Công ty C yêu cầu thu hồi các tài sản thuê này là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, Công ty M chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty C đã nộp tạm ứng chi phí này nên Công ty M có trách nhiệm hoàn lại cho Công ty C.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty C được chấp nhận nên bị đơn Công ty M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 75.295.188 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty C.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 335, Điều 338, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 4, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng với khoản 41 Điều 4; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 120 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Điều 3, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của Công ty C và Công ty cho thuê tài chính;

- Căn cứ khoản 18, khoản 19 Điều 3, Điều 35, Điều 36 Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng N quy định việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên C đối với yêu cầu Công ty TNHH M thanh toán giá trị mua lại 17.550.000 (mười bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng, phí thanh lý trước hạn 159.705.000 (một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm lẻ năm ngàn) đồng, giao trả xe ô tô tải biển kiểm soát AD và trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ thanh toán nợ tiền thuê tài chính theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính viện dẫn trên và các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thì Công ty TNHH M có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn nợ cho Công ty TNHH một thành viêC cho thuê tài chính Ngân hàng C.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên C:

2.1 Chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032 ký ngày 23/11/2023 giữa Công ty TNHH một thành viên C và Công ty TNHH M.

2.2 Buộc Công ty TNHH M thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền thuê tài chính còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 của hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032 ký ngày 23/11/2023 là 2.164.759.396 (hai tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn ba trăm chín

mươi sáu) đồng, trong đó nợ gốc là 1.901.250.000 (một tỷ chín trăm lẻ một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng, tiền lãi là 183.799.049 (một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 79.710.347 (bảy mươi chín triệu bảy trăm mười ngàn ba trăm bốn mươi bảy) đồng.

2.3 Kể từ ngày 30/8/2025, Công ty TNHH M vẫn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi, lãi quá hạn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng cho thuê tài chính số SBL010202311032 ký ngày 23/11/2023.

2.4 Trong trường hợp Công ty TNHH M không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nêu trên, buộc Công ty TNHH M giao trả các tài sản thuê cho Công ty TNHH một thành viên C để thanh lý, thu hồi nợ, cụ thể:

+ 01 ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01385, số máy 228M81, biển số AC

+ 01 ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01387, số máy 228M89, biển số AE

+ 01 ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01388, số máy 228M99, biển số AH

+ 01 ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA01389, số máy 228M94, biển số AJ

+ 01 ôtô tải thùng kín, nhãn hiệu ISUZU, số khung RLE1MR77HPVA04325, số máy 208G36, biển số AS

3/ Ngay sau khi Công ty TNHH M thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên cho Công ty TNHH một thành viên C thì Công ty TNHH một thành viên C có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH M số tiền ký cược còn lại là 13.166.400 (mười ba triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm) đồng.

4/ Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH M chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Công ty TNHH một thành viên C đã nộp tạm ứng số tiền này nên Công ty TNHH M có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH một thành viên C.

5/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH M phải nộp 75.295.188 (bảy mươi lăm triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn một trăm tám mươi tám) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH một thành viên C số tiền tạm ứng án phí 56.691.359 (năm mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi mốt ngàn ba trăm năm mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0067726 ngày 03/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy